

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2020/DS-PT

Ngày: 06/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Ông Lê Ngọc Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án số 464/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1953/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B.

Địa chỉ: Số 25 đường C, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh M, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Phòng 12a, tầng 8, Tòa nhà Aqua1 – Vinhomes Bason Golden River, số 2 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 70/8 đường Q, Khu phố E, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B do ông Trần Ngọc H làm người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 31/01/2016, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B (gọi tắt là Công ty B) có ký Hợp đồng thi công số 3110/BKEC với ông Lê Văn Th để xây dựng căn nhà phố tại số 129/10 đường Tr, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị của hợp đồng là 1.445.000.000 đồng (không bao gồm VAT). Thời gian bắt đầu thi công vào tháng 02/2016. Trong thời gian thi công, do giá vật tư và nhân công tăng liên tục lên hơn 20-30% nên Công ty B gặp khó khăn về tài chính, công nhân thường xuyên bỏ việc nên phải kéo dài thời gian thi công.

Ngày 20/07/2016, sau khi đổ bê tông sàn mái, quá 05 ngày nhưng ông Th vẫn không chuyển tiền thanh toán đợt 04 nên Công ty B quyết định ngưng hợp đồng thi công vì không có tiền trả lương cho công nhân và trả tiền vật tư.

Ngày 29/07/2016 đôi bên nghiệm thu khối lượng thực tế để làm cơ sở thanh toán. Tuy nhiên, ông Th đưa ra đơn giá thi công rất thấp nên không tiến hành quyết toán được. Đến ngày 29/08/2016, ông Th tuyên bố không thực hiện việc quyết toán và thanh toán số tiền còn lại cho Công ty B.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 02/TĐG-CT ngày 08/01/2019 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đ thì giá trị công trình xây dựng là 986.716.896 đồng (không bao gồm VAT). Ông Th đã thanh toán cho Công ty B 855.000.000 đồng. Công ty B yêu cầu ông Th thanh toán số tiền còn thiếu là 131.716.896 đồng (986.716.896 đồng – 855.000.000 đồng).

Bị đơn là ông Lê Văn Th trình bày: Ông xác nhận ngày 31/01/2016, giữa ông và Công ty B có ký Hợp đồng thi công với nội dung như Công ty B trình bày. Thời hạn thi công là 150 ngày. Giá trị hợp đồng gồm vật liệu thô và công hoàn thiện.

Trong thời gian thi công, Công ty B đã vi phạm hợp đồng, làm sai thiết kế, ăn bớt phần móng, đem vật tư vào công trình không đúng mẫu đã thỏa thuận. Do đó, hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng. Ngày 29/07/2016, đôi bên chính thức nghiệm thu khối lượng để làm cơ sở thanh toán. Tuy nhiên, Công ty B tự bóc khối lượng và đưa ra đơn giá nên ông không đồng ý.

Ông đồng ý với kết quả thẩm định giá trị xây dựng tại Chứng thư thẩm định giá số 02/TĐG-CT ngày 08/01/2019 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đ. Tuy nhiên, phần chi phí chung, ông là người đã trả tiền thuê nhà cho vợ chồng thợ cả (không nhớ tên, không rõ địa chỉ hiện nay) của Công ty B ở trong vòng 03 tháng (10.500.000 đồng) và ông bỏ chi phí đóng giếng nước, mua máy bơm (10.500.000 đồng) để phục vụ cho việc thi công, bỏ tiền thuê kỹ sư giám sát công trình (24.000.000 đồng) nên ông không đồng ý trả chi phí chung như trong chứng thư thẩm định.

Ngoài ra, theo các chứng từ, phiếu thu, phiếu chuyển tiền thì ông đã thanh toán cho Công ty B tổng số tiền là 1.125.000.000 đồng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty B.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn đồng ý căn trừ 10.000.000 đồng chi phí khoan giếng và mua máy bơm cho bị đơn vào phần chi phí trực tiếp. Đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn Th thanh toán cho Công ty B số tiền chênh lệch còn lại sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán 855.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Th cung cấp bản chính phiếu thu ngày 22/01/2016 nội dung: “Thu tiền dọn mặt bằng, vận chuyển xà bần” số tiền 12.000.000 đồng và phiếu thu ngày 10/06/2016 nội dung: “Thu tiền công đóng giếng + máy bơm” số tiền 10.000.000 đồng. Bị đơn ông Lê Văn Th không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị căn trừ các chi phí ông bỏ ra vào phần chi phí chung, chi phí trực tiếp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 464/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Văn Th có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B số tiền 120.481.146 (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn một trăm bốn mươi sáu) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ông Lê Văn Th có trách nhiệm hoàn trả chi phí thẩm định giá 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/12/2019, bị đơn ông Lê Văn Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn Th trình bày: Ngày 31/01/2016, ông Th có ký Hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B, giá trị hợp đồng là 1.455.000.000 đồng bao gồm nhân công xây dựng cơ bản, hoàn thiện và toàn bộ vật liệu phần thô. Do nguyên đơn xây dựng không đúng kỹ thuật và quá chậm nên đôi bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng nhưng không thống nhất được số tiền cần thanh quyết toán với nhau. Ông Th đồng ý với kết quả thẩm định của Công ty Đ đối với phần xây dựng mà Công ty B đã thi công được có

giá trị là 975.481.146 đồng. Theo các phiếu thu thì số tiền ông đã thanh toán cho Công ty B là 1.065.000.000 đồng chứ không phải là 855.000.000 đồng như Công ty B nêu. Như vậy, ông Th đã thanh toán dư cho Công ty B nên Công ty B còn phải trả lại cho ông số tiền là 89.581.854 đồng. Tòa cấp sơ thẩm buộc ông Th phải trả cho Công ty B số tiền 120.481.146 đồng, thanh toán chi phí thẩm định là 30.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí là không đúng. Ông Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa lại bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty B do ông Nguyễn Thanh M làm người đại diện theo pháp luật trình bày: Ông xác nhận các phiếu thu mà ông Th trình bày là của Công ty B phát hành. Tuy nhiên, trong 02 phiếu thu của ngày 28/4/2016 có 01 phiếu ghi nhận số tiền 310.000.000 đồng nhưng thực tế phía Công ty không nhận tiền mà phiếu này chỉ nhằm mục đích tổng hợp lại các lần thu tiền trước đó. Công ty B khẳng định tổng số tiền thi công mà Công ty nhận được của ông Th là 855.000.000 đồng. Theo kết quả kiểm định của Công ty Đ thì phần xây dựng mà Công ty thực hiện được có giá trị là 975.481.146 đồng. Như vậy, ông Th chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty B. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông Th trả cho Công ty B số tiền còn thiếu là phù hợp nên Công ty đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ngày 31/01/2016 giữa Công ty B và ông Lê Văn Th có ký Hợp đồng thi công xây dựng nhà tại địa chỉ số 129/10 đường Tr, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Các bên xác định hợp đồng đã được thanh lý nhưng còn tranh chấp về các khoản tiền phải thanh quyết toán cho nhau. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa hôm nay cho thấy Tòa cấp sơ thẩm xác định bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 120.481.146 đồng là đúng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo lời trình bày của ông Th thì sau khi ký Hợp đồng thi công với Công ty B ông đã thanh toán cho Công ty B nhiều đợt tiền. Ông Th xuất trình 07 phiếu thu để chứng minh rằng ông đã thanh toán cho Công ty B tổng số tiền là 1.065.000.000 đồng. Ông Th đồng ý với kết quả thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đ về giá trị xây dựng công trình nhà là

975.481.146 đồng. Như vậy, số tiền ông Th thanh toán cho Công ty B đã vượt giá trị công trình thi công. Do đó, ông Th kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét buộc Công ty B hoàn trả lại ông số tiền thanh toán dư là 89.581.854 đồng. Ngoài ra, Công ty B còn phải chịu chi phí thẩm định là 30.000.000 đồng và chịu án phí theo quy định.

Phía Công ty B thừa nhận các Phiếu thu do ông Th xuất trình đúng là của Công ty B phát hành. Tuy nhiên, nội dung Phiếu thu ngày 28/4/2016 đã thể hiện rõ là thu tiền tạm ứng đợt 1 + đợt 2. Đây là Phiếu thu gộp của nhiều lần tạm ứng trước đó chứ không phải ngày 28/4/2016 Công ty có nhận số tiền 310.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền mà Công ty B nhận của ông Th là 855.000.000 đồng chứ không phải là 1.065.000.000 đồng như ông Th trình bày. Căn cứ theo kết quả thẩm định thì số tiền ông Th giao không đủ với giá trị thực tế mà Công ty B đã thi công nên ông Th còn phải trả tiếp số tiền còn thiếu.

Như vậy, vấn đề cần làm rõ là có việc giao nhận 310.000.000 đồng trên thực tế bằng phiếu thu ngày 28/4/2016 không hay phiếu thu này là phiếu ghi gộp của các khoản đã ứng trước đó? Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng thi công số 3110/BKEC ngày 31/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B với ông Lê Văn Th thì Công ty B thực hiện thi công, nhân công xây dựng cơ bản, hoàn thiện và toàn bộ vật liệu phần thô công trình xây dựng nhà tại địa chỉ số 129/10 đường Tr, phường T, Quận C với giá 1.455.000.000 đồng (không bao gồm VAT). Tại Điều 3.2 của Hợp đồng này các bên thỏa thuận sẽ thực hiện việc thanh toán tiền làm 07 đợt, theo đó đợt 01 và đợt 02 thanh toán 30% giá trị hợp đồng là 436.500.000 đồng. Căn cứ vào hồ sơ thể hiện thanh toán cho đợt 01 và đợt 02 có các Phiếu thu sau:

- Phiếu thu ngày 03/02/2016 nội dung “Ứng tiền lần 1/đợt 1” với số tiền 10.000.000 đồng; Ngay dưới Phiếu thu này ông M (Giám đốc Công ty B) ký nhận 200.000.000 đồng ghi ngày 19/02/2016.

- Phiếu thu ngày 28/4/2016 nội dung “Đã thu tạm ứng đợt 1 + đợt 2” với số tiền 310.000.000 đồng;

- Phiếu thu ngày 28/4/2016 nội dung “Thanh toán dứt điểm tạm ứng đợt 2” số tiền 115.000.000 đồng.

Nếu làm phép cộng đơn thuần của 03 phiếu thu này thì số tiền sẽ là 635.000.000 đồng tương đương 43% giá trị của Hợp đồng, nhiều hơn giá trị phải thanh toán theo hợp đồng ký kết của 02 đợt là 13%. Song trong Phiếu thu ngày 28/4/2016 với số tiền 115.000.000 đồng lại ghi nội dung là “Thanh toán **dứt điểm** tạm ứng đợt 2” nên việc thanh toán dư là không phù hợp với nội dung của phiếu thu. Mặt khác, Phiếu thu ngày 03/02/2016 với số tiền nhận ban đầu là 10.000.000 đồng và ký nhận thêm 200.000.000 đồng vào ngày 19/02/2016 tương đương với 15% giá trị Hợp đồng thi công là đủ cho thanh toán tiền đợt 01 của hợp đồng thì sẽ không thể có việc ngày 28/4/2016 lại tạm ứng tiếp đợt 01 thêm lần nữa. Do đó, Phiếu thu ngày 28/4/2016 với số tiền thể

hiện trên đó là 310.000.000 đồng là ghi gộp lại số tiền đã nhận của đợt 01 và sau đó nhận thêm 100.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Vì vậy, không có cơ sở để xác định ông Thuận đã thanh toán cho Công ty B số tiền là 1.065.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định ông Th mới thanh toán được tiền thi công là 855.000.000 đồng là đúng.

Từ sự phân tích trên, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Th về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty B phải thanh toán cho ông Th số tiền là 89.581.854 đồng. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu của Công ty B được Tòa án chấp nhận nên ông Th phải chịu chi phí thẩm định là 30.000.000 đồng. Số tiền này Công ty B đã thanh toán xong cho Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đ nên ông Th phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty B số tiền này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Th không được Tòa chấp nhận nên ông Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 138, Điều 144 của Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Th.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Văn Th phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B số tiền 120.481.146 (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn một trăm bốn mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bên phải

thi hành còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ông Lê Văn Th có trách nhiệm hoàn trả chi phí thẩm định giá 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.024.057 (Sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn không trăm năm mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.075.000 (Chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AC/2014/0008223 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0026886 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 9;
- TAND Quận 9;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

